

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025
cho Sở Nông nghiệp và Môi trường
Mã đơn vị sử dụng ngân sách: 1135162**

GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG THÁI NGUYÊN

Căn Cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 88/2024/TT-BTC ngày 24/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn Cứ Nghị quyết số 08/2025/NĐ-HĐND ngày 01/7/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên thành lập các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 27/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của UBND tỉnh Thái Nguyên về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1896/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 của UBND Thái Nguyên về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Thông báo điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 số 5520/STC-HCSN ngày 14/10/2025 của Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao điều chỉnh dự toán chi Ngân sách nhà nước năm 2025 cho Sở Nông nghiệp và Môi trường, như sau:

Dự toán đã giao: 169.081.000.000 đồng.

Điều chỉnh tăng: 3.127.000.000 đồng.

Điều chỉnh giảm: 4.733.000.000 đồng.

Dự toán sau điều chỉnh: 167.475.000.000 đồng.

Bằng chữ: Một trăm sáu mươi bảy tỷ, bốn trăm bảy mươi năm triệu đồng.

(Số giao, điều chỉnh chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Căn cứ chỉ tiêu nhiệm vụ và dự toán chi ngân sách năm 2025 được giao, thủ trưởng đơn vị được giao dự toán tổ chức thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, trưởng các phòng chuyên môn liên quan thuộc sở và đơn vị được giao dự toán có tên tại điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *Th*

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Sở Tài chính (b/c);
- Kho bạc NN tỉnh TN;
- Giám đốc sở;
- Lưu: KHTC, VP, VT.



GIÁM ĐỐC

Đặng Văn Huy

PHỤ LỤC:
GIAO ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHI THUỞNG XUYỀN NĂM 2025 SAU SÁP NHẬP TỈNH

Đơn vị: Sở Nông nghiệp và Môi trường

(Kèm theo Quyết định số **1021** /QĐ-SNNMT ngày **30/4** /2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thái Nguyên)

STT	Đơn vị/Nội dung chi	Loại/khoản	Tổng dự toán năm 2025 giao cho đơn vị sau sáp nhập	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Sau điều chỉnh	Ghi chú
TỔNG CỘNG			169.081	3.159	4.765	167.475	
1	Quản lý nhà nước	340-341	43.946	1.076	3.485	41.537	
1.1	Kinh phí tự chủ		33.266	-	2.864	30.402	
	Quỹ tiền lương và các khoản đóng góp theo lương, chi hoạt động của biên chế được giao (đã giảm trừ tiết kiệm chi khác theo định mức)		32.777		2.864	29.913	
	Lương, các khoản đóng góp theo lương, chi hoạt động của hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP		489			489	
1.2	Kinh phí không tự chủ	340-341	10.680	1.076	621	11.135	
	Tiền thưởng thực hiện Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ (công chức)		1.356	-	204	1.152	
	Lương, các khoản đóng góp theo lương, chi hoạt động của hợp đồng lao động theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP		1.731		381	1.350	
	Kinh phí thực hiện chế độ tiền thưởng cho lao động hợp đồng theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP (theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ)		91	32	36	87	
	Trang phục thanh tra		65			65	
	Kiểm soát TTHC, Hoạt động liên ngành, xử phạt vi phạm hành chính; xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật		95	1.000		1.095	
	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật		350			350	
	Truyền thông, tuyên truyền, bản tin về TNMT		55			55	
	Kinh phí công tác thanh tra, kiểm tra: thuê xe, Kinh phí trưng cầu giám định phục vụ công tác thanh tra, ...		270			270	
	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh giao		-			-	
	Kinh phí cải cách hành chính		165			165	
	Kinh phí số hoá tài liệu lưu trữ, chuyển đổi số thực hiện các lĩnh vực của ngành nông nghiệp và PTNT, chỉnh lý tài liệu		50			50	
	Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ hội nghị sơ kết, triển khai nhiệm vụ, tập huấn, phòng cháy chữa cháy, ...		521			521	
	Kinh phí tuyên truyền, hướng dẫn sản xuất		350			350	
	Đào tạo, tập huấn		60	44		104	
	Chi phí vận chuyển, bốc xếp tài sản, tài liệu do sắp xếp tổ chức, bộ máy		120			120	
	Sửa chữa trụ sở làm việc tại cơ sở 1 P. Linh Sơn tỉnh Thái Nguyên		5.000			5.000	
	sơ kết, tổng kết, hỗ trợ công tác kiểm tra chỉ đạo sản xuất của ngành		86			86	
	Tổ chức Đại hội đảng bộ Sở NNPTNT, 'Kinh phí tổ chức Đại hội đảng cơ sở		187			187	
	Kinh phí phục vụ công tác thu lệ phí cấp phép hoạt động khai thác khoáng sản		40			40	

STT	Đơn vị/Nội dung chi	Loại/ khoản	Tổng dự toán năm 2025 giao cho đơn vị sau sáp nhập	Điều chỉnh tăng	Điều chỉnh giảm	Sau điều chỉnh	Ghi chú
	Thẩm định kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện, kiểm tra, hậu kiểm sau giao đất, thẩm định phương án sử dụng đất, nghiệm thu khối lượng công việc đối với nhiệm vụ nhà nước giao và nhiệm vụ khác		250			250	
	Điều tra, đánh giá ô nhiễm đất tỉnh Thái Nguyên		1.565			1.565	
	Dự án "Phương án cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên"		2.026		653	1.373	
	Nghiệm thu nhiệm vụ các hệ thống quan trắc nước dưới đất; Triển khai thi hành Luật tài nguyên nước		38			38	
	Đầu giá quyền khai thác khoáng sản		3.003			3.003	
	Xây dựng Hệ thống tích hợp, kết nối hệ thống dữ liệu, CSDL tài nguyên và môi trường đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị thông minh		3.000			3.000	
	Xây dựng, vận hành hệ thống cung cấp dịch vụ dữ liệu không gian địa lý phục vụ khai thác và sử dụng trên môi trường mạng.		2.000			2.000	
	Lập kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (2021-2025) tỉnh Bắc Kạn		240			240	
	Lập dự án điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Bảng giá đất (Theo khoản 3 Điều 159 Luật Đất đai năm 2024)		30			30	
	Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai huyện Bạch Thông và huyện Chợ Mới tỉnh Bắc Kạn.		15.531			15.531	
	Chuyển đổi hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu của Sở Tài nguyên và Môi trường sang Trung tâm tích hợp dữ liệu tỉnh		100			100	
3	Sự nghiệp môi trường môi trường	250-278	9.008	83	627	8.464	
3.1	Kinh phí tự chủ						
3.2	Kinh phí không tự chủ	250-278	9.008	83	627	8.464	
	Lập kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên		2.000		627	1.373	
	Quan trắc chất lượng môi trường tỉnh Bắc Kạn năm 2025		625			625	
	Kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường; kiểm tra, lấy và phân tích mẫu chất thải xả ra môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải;		23	83		106	
	Dự án khắc phục ô nhiễm môi trường do tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại: Chi nhánh Vật tư nông nghiệp Chợ Mới, huyện Chợ Mới; kho thuốc bảo vệ thực vật tại Khu 2, xã Vân Tùng, huyện Ngân Sơn tỉnh Bắc Kạn		860			860	
	Sửa chữa trạm quan trắc môi trường nước bị thiệt hại do mưa bão gây ra		5.500			5.500	